

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	5 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn;
- Xây dựng công trình;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đại Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2018
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2018
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Ủy viên	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đại Lâm	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Lâm



Số : 75../2019/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

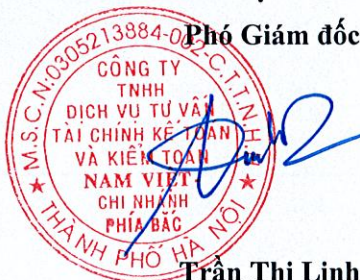
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

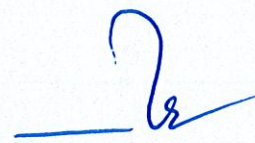
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Phó Giám đốc

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2015-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		341.591.997.226	148.441.996.204
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		678.551.104	734.729.996
1.	Tiền	111	V.01	678.551.104	734.729.996
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		275.372.996.030	107.342.908.096
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	293.189.394.155	88.747.207.721
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	23.174.744.415	56.511.680.989
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	42.834.234.802	41.604.477.902
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(83.825.377.342)	(79.520.458.516)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	49.639.990.411	26.701.125.662
1.	Hàng tồn kho	141		50.586.767.427	27.647.902.678
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(946.777.016)	(946.777.016)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		15.900.459.681	13.663.232.450
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	515.545.666	67.896.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.663.919.404	7.874.341.839
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	5.720.994.611	5.720.994.611
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.366.068.181	154.707.152.685
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.000.000.000
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.000.000.000	1.000.000.000
II.	Tài sản cố định	220		5.057.327.245	6.274.159.171
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	5.057.327.245	6.258.472.332
	- Nguyên giá	222		31.109.390.900	31.803.917.567
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.052.063.655)	(25.545.445.235)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	15.686.839
	- Nguyên giá	228		272.988.504	272.988.504
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(272.988.504)	(257.301.665)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.11	50.282.868.265	51.242.568.769
1.	Nguyên giá	231		55.401.270.953	55.401.270.953
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.118.402.688)	(4.158.702.184)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	13.462.832.318	10.103.250.768
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.462.832.318	10.103.250.768
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.551.544	1.155.152.894
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.407.344	1.162.642.669
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.855.800)	(7.489.775)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		73.561.488.809	84.932.021.083
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	53.380.149
6.	Lợi thế thương mại	269	V.13	73.561.488.809	84.878.640.934
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		484.958.065.407	303.149.148.889

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

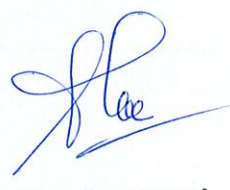
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		627.056.399.127	426.212.108.050
I.	Nợ ngắn hạn	310		560.627.857.076	353.500.883.529
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	317.808.335.137	78.394.566.071
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		58.902.284.213	92.438.208.036
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	57.746.827.193	55.775.656.831
4.	Phải trả người lao động	314		2.279.673.577	2.356.033.938
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	30.022.527.828	30.395.992.374
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.029.194.542	641.849.818
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	92.610.090.347	89.846.959.154
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	3.422.693.068
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		228.924.239	228.924.239
II.	Nợ dài hạn	330		66.428.542.051	72.711.224.521
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	63.379.969.705	64.798.924.249
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	3.048.572.346	7.749.866.506
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	-	162.433.766
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(142.098.333.720)	(123.062.959.161)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	(142.098.333.720)	(123.062.959.161)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		11.718.534.049	11.718.534.049
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(221.217.311.286)	(207.489.456.090)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(207.489.456.090)	(163.236.274.962)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(13.727.855.196)	(44.253.181.128)
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(128.599.556.483)	(123.292.037.120)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		484.958.065.407	303.149.148.889

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	454.192.410.462	79.303.262.679
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		454.192.410.462	79.303.262.679
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	450.433.108.505	71.804.256.309
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.759.301.957	7.499.006.370
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.067.664	17.839.108
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	548.196.441	1.567.656.933
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		552.830.416	1.500.000.000
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	53.213.439	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	17.791.666.647	14.096.877.903
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.631.706.906)	(8.147.689.358)
12.	Thu nhập khác	31	VI.05	752.095.000	59.575.617
13.	Chi phí khác	32	VI.06	3.555.762.653	2.140.288.549
14.	Lợi nhuận khác	40		(2.803.667.653)	(2.080.712.932)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.435.374.559)	(10.228.402.290)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(17.435.374.559)	(10.228.402.290)
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(3.860.630.486)	(1.723.167.629)
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(13.574.744.073)	(8.505.234.661)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(1.307)	(864)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(1.307)	(864)

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(17.435.374.559)	(10.228.402.290)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định, BĐSĐT và lợi thế thương mại	02		13.493.684.555	13.423.777.759
-	Các khoản dự phòng	03		4.300.284.851	(4.421.577.686)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(478.247.664)	40.282.164
-	Chi phí lãi vay	06		552.830.416	1.500.000.000
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		433.177.599	314.079.947
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(173.933.587.540)	4.091.845.065
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.938.864.749)	4.484.990.169
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		209.257.418.580	(28.502.357.320)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(394.269.517)	5.624.050
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(552.830.416)	(1.500.000.000)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(1.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		11.871.043.957	(21.106.818.089)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.281.912.770)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		476.180.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	450.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.859.100.000)	(5.811.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.158.239.964	40.155.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.063.025	17.839.108
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(8.504.529.781)	34.811.839.108

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.422.693.068)	(13.438.448.632)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(117.522.935)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.422.693.068)	(13.555.971.567)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(56.178.892)	149.049.452
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		734.729.996	585.680.544
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		678.551.104	734.729.996

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền



Nguyễn Thị Hiền



Nguyễn Đại Lâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn;
- Xây dựng công trình;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con đầu tư bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2018	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			tại ngày 31/12/2018	tại ngày 01/01/2018
I. Công ty con đầu tư trực tiếp				
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	70,47%	70,47%	58,39%
II. Công ty con đầu tư gián tiếp				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 – Momota	421 Phan Bá Vành, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	39,79%	56,46%	56,46%
Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	Tổ Thị Cẩm, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	39,79%	99%	99%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

03. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

04. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

Khấu hao nhà cửa được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 50 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại hoặc Công ty con mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:****Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	261.852.082	37.435.313
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	416.699.022	697.294.683
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>678.551.104</u>	<u>734.729.996</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối năm			Số đầu năm						
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác										
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn			4.407.344	(2.855.800)	1.551.544	-	0,27	1.162.642.669	(7.489.775)	1.155.152.894
+ Ngân hàng TMCP Á Châu			4.365.000	(2.855.800)	1.509.200			1.158.235.325	(4.633.975)	1.153.601.350
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín			42.344	-	42.344			42.344	-	42.344
Cộng			4.407.344	(2.855.800)	1.551.544			1.162.642.669	(7.489.775)	1.155.152.894

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	293.189.394.155	88.747.207.721
- Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Quảng Tây	18.740.489.938	18.740.489.938
- Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận - Bộ GTVT	20.246.247.056	20.246.247.056
- Công ty Xây dựng Công trình giao thông 829	2.674.690.584	2.674.690.584
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	171.545.122.160	5.626.719.362
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	13.313.246.705	-
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	50.003.933.788	24.353.530.880
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	16.665.663.924	17.105.529.901
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	293.189.394.155	88.747.207.721

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG
La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.174.744.415	56.511.680.989
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	7.985.836.842	39.985.836.842
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Nga Đức	2.387.318.543	2.387.318.543
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông I	5.442.046.731	5.442.046.731
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	7.359.542.299	8.696.478.873
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	23.174.744.415	56.511.680.989

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	42.834.234.802	(32.553.748.152)	41.604.477.902	(27.784.511.044)
- Phải thu của người lao động	-	-	77.041.711	-
- Tạm ứng	2.515.395.636	-	1.012.158.161	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000	-	300.000	-
- Phải thu khác	40.318.539.166	(32.553.748.152)	40.514.978.030	(27.784.511.044)
+ Công ty CP Bao bì và DV Sam Thịnh	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Công ty CP Nhựa Sam Phú	262.878.059	(262.878.059)	262.878.059	(262.878.059)
+ Công ty CP Cấp và Vật Liệu Viễn thông Sacom	2.103.024.479	(2.103.024.479)	2.103.024.479	(2.103.024.479)
+ Công ty CP Vật liệu Điện và VT Sam Cường	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Bà Nguyễn Thị Dung	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Kinh doanh Đô thị	10.738.464.939	(10.738.464.939)	10.738.464.939	(10.738.464.939)
+ Tổng Công ty Xây dựng CTGT I	4.769.237.108	(4.769.237.108)	4.769.237.108	-
+ Các khoản phải thu khác	21.193.422.341	(13.428.631.327)	21.389.861.205	(13.428.631.327)
b) Phải thu dài hạn khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	42.834.234.802	(32.553.748.152)	42.604.477.902	(27.784.511.044)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban QLDA Mỹ Thuận - Bộ GTVT	20.246.247.056	-	20.246.247.056	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Kinh doanh Đô thị	10.738.464.939	-	10.738.464.939	-
- Ban QLDA CTGT Nghệ an	2.010.516.994	-	2.010.516.994	-
- Ban QLDA NM thủy điện Sơn La	1.516.335.137	-	1.516.335.137	-
- Ban QLDA thủy điện 1	1.649.434.418	-	1.649.434.418	-
- Công ty CP XDCTGT829	2.674.690.584	-	2.674.690.584	-
- Công ty CP XDCTGT 872	1.165.222.913	-	1.165.222.913	-
- Công ty Cổ phần Xi măng - Thăng Long	2.331.354.806	-	2.331.354.806	-
- Công ty Cp Cấp và Vật Liệu Viễn thông Sacom	2.103.024.479	-	2.103.024.479	-
- Các đối tượng khác	39.390.086.016	-	35.131.105.733	45.938.543
Cộng	83.825.377.342	-	79.566.397.059	45.938.543

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.245.536.231	(804.823.028)	1.245.536.231	(804.823.028)
- Công cụ, dụng cụ	141.953.988	(141.953.988)	141.953.988	(141.953.988)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.875.640.802	-	25.343.392.633	-
- Hàng hoá	19.323.636.406	-	917.019.826	-
Cộng	50.586.767.427	(946.777.016)	27.647.902.678	(946.777.016)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà ở, chung cư Cổ Nhuế	3.105.522.000	3.105.522.000
- Dự án Nhà ở chia lô Xuân Phương	785.215.200	785.215.200
- Dự án Khu đô thị Trung Hưng Sơn Tây	6.134.184.659	6.134.184.659
- Dự án Khách sạn Đông Dương	61.052.000	61.052.000
- Xây dựng khu văn phòng Công ty CP 118	3.376.858.459	17.276.909
Cộng	13.462.832.318	10.103.250.768

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	10.899.878.933	17.625.288.260	2.472.715.828	118.714.590	687.319.956	31.803.917.567
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(694.526.667)	-	-	(694.526.667)
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	10.899.878.933	17.625.288.260	1.778.189.161	118.714.590	687.319.956	31.109.390.900
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	6.715.515.404	15.562.109.049	2.472.715.828	118.714.590	676.390.364	25.545.445.235
- Khấu hao trong năm	496.767.972	693.447.523	-	-	10.929.592	1.201.145.087
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(694.526.667)	-	-	(694.526.667)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	7.212.283.376	16.255.556.572	1.778.189.161	118.714.590	687.319.956	26.052.063.655
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	4.184.363.529	2.063.179.211	-	-	10.929.592	6.258.472.332
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	3.687.595.557	1.369.731.688	-	-	-	5.057.327.245

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 14.808.907.249 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	272.988.504	272.988.504
- Mua trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	272.988.504	272.988.504
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	257.301.665	257.301.665
- Khấu hao trong năm	15.686.839	15.686.839
<i>Số dư cuối năm</i>	272.988.504	272.988.504
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	15.686.839	15.686.839
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	55.401.270.953	-	-	55.401.270.953
- Quyền sử dụng đất	7.416.245.403	-	-	7.416.245.403
- Nhà	47.985.025.550	-	-	47.985.025.550
II. Giá trị hao mòn lũy kế	4.158.702.184	959.700.504	-	5.118.402.688
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4.158.702.184	959.700.504	-	5.118.402.688
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	51.242.568.769	-	(959.700.504)	50.282.868.265
- Quyền sử dụng đất	7.416.245.403	-	-	7.416.245.403
- Nhà	43.826.323.366	-	(959.700.504)	42.866.622.862

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	515.545.666	67.896.000
- Tiền thuê tại 421 Phan Bá Vành	139.728.000	67.896.000
- Chi phí thuê Xuân Phương	365.072.732	-
- Bảo hiểm rủi ro	10.744.934	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	-	53.380.149
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	28.233.469
- Chi phí khác	-	25.146.680
Cộng	515.545.666	121.276.149

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG THẮNG LONG
La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Lợi thế thương mại	Giá trị lợi thế thương mại đầu năm	Tăng trong năm	Số phân bổ vào chi phí trong năm	Giá trị còn lại cuối năm
	- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	22.584.433.950	-	3.011.257.860
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 – Momota	62.294.206.984	-	8.305.894.265	53.988.312.719
Cộng	84.878.640.934	-	11.317.152.125	73.561.488.809

14. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số nợ quá hạn thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị
a. Vay ngắn hạn	3.422.693.068	3.422.693.068	-	3.422.693.068	-
<i>a1. Vay ngắn hạn</i>	<i>3.422.693.068</i>	<i>3.422.693.068</i>	-	<i>3.422.693.068</i>	-
- Vay ngân hàng	3.422.693.068	3.422.693.068	-	3.422.693.068	-
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam-CN Từ Liêm	3.422.693.068	3.422.693.068	-	3.422.693.068	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	3.422.693.068	3.422.693.068	-	3.422.693.068	-

15. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn thanh toán	Giá trị	Số nợ quá hạn thanh toán
a. Phải trả người bán ngắn hạn	317.808.335.137	48.294.247.940	78.394.566.071	53.087.563.656
- Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh thương mại 18	7.826.971.338	7.826.971.338	7.826.971.338	7.826.971.338
- Công ty CP Xây dựng VNC	5.380.887.063	5.380.887.063	5.380.887.063	5.380.887.063
- Công ty CP Xây dựng - TĐH & TT Vinacon	2.538.626.334	2.538.626.334	2.538.626.334	2.538.626.334
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	13.299.883.938	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	171.039.174.320	306.644.462	4.521.098.208	4.521.098.208
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	62.695.772.660	-	22.284.969.014	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	20.267.937.760	-	-	-
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	34.759.081.724	32.241.118.743	35.842.014.114	32.819.980.713
Cộng	317.808.335.137	48.294.247.940	78.394.566.071	53.087.563.656

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số tiền phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
- Thuế GTGT đầu ra		24.517.523.194	82.447.395	640.397.609	-	23.959.572.980
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.720.994.611	-	-	-	5.720.994.611	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.711.924.949	19.626.795	15.692.750	-	1.715.858.994
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	690.045.320	690.045.320	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	29.546.208.688	2.536.186.531	11.000.000	-	32.071.395.219
Cộng	5.720.994.611	55.775.656.831	3.328.306.041	1.357.135.679	5.720.994.611	57.746.827.193
17. Chi phí phải trả						
<i>a. Ngắn hạn</i>						
- Chi phí lãi vay						
- Chi phí quản lý công trình - Gói thầu A7- Đường cao tốc Nội Bài -Lào Cai						
- Trích trước chi phí khác						
Cộng						
		Số cuối năm	Số đầu năm			
		30.022.527.828	30.395.992.374			
		14.435.343.551	14.435.343.551			
		15.587.184.277	15.587.184.277			
		-	373.464.546			
		30.022.527.828	30.395.992.374			

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải trả ngắn hạn khác	92.610.090.347	89.846.959.154
- Kinh phí công đoàn	1.610.615.546	1.605.230.446
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.091.064.330	2.091.064.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.908.410.471	85.900.664.378
+ Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Hà Nội (*)	78.756.480.000	78.756.480.000
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	2.041.763.771	3.061.763.771
+ Ông Phạm Tiến Dũng	3.400.000.000	-
+ Các đối tượng khác	4.710.166.700	4.082.420.607
b. Dài hạn	3.048.572.346	7.749.866.506
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.702.379.000	1.352.379.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.346.193.346	6.397.487.506
+ Ban quản lý tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng	1.346.193.346	6.397.487.506
Cộng	95.658.662.693	97.596.825.660

(*) Là số tiền Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng khu đô thị mới Hà Nội chuyển cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 – Momota để bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Xuân Đình và Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, khoản tiền bồi thường này đang có khiếu kiện của các hộ dân là cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 trước đây sinh sống và ở tại khu đất bị thu hồi. Do vậy, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 – Momota đang chờ ý kiến của các cơ quan ban ngành về việc giải quyết số tiền bồi thường này.

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.029.194.542	641.849.818
- Các khoản doanh thu ghi nhận trước về cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.029.194.542	641.849.818
b. Dài hạn	63.379.969.705	64.798.924.249
- Các khoản doanh thu ghi nhận trước về cho thuê văn phòng dài hạn	63.379.969.705	64.798.924.249
Cộng	64.409.164.247	65.440.774.067

20. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải trả dài hạn	-	162.433.766
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	162.433.766
Cộng	-	162.433.766

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu							
Số dư đầu năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	(6.000.000.000)	11.718.534.049	(198.421.083.453)	(78.738.909.342)	(69.441.458.746)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	(5.811.000.000)	(5.811.000.000)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(8.505.234.661)	(1.723.167.629)	(10.228.402.290)
Tăng khác	-	-	-	-	-	563.137.976	563.137.976
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	(563.137.976)	(37.582.098.125)	(38.145.236.101)
Số dư cuối năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	(6.000.000.000)	11.718.534.049	(207.489.456.090)	(123.292.037.120)	(123.062.959.161)
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	(13.574.744.073)	(3.860.630.486)	(17.435.374.559)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	(153.111.123)	153.111.123	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	111.000.000.000	91.000.000.000	(6.000.000.000)	11.718.534.049	(221.217.311.286)	(128.599.556.483)	(142.098.333.720)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100
Cộng	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	600.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>600.000</i>	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.500.000	10.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.500.000</i>	<i>10.500.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	446.755.857.603	70.826.633.241
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.446.223.610	1.690.459.133
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.990.329.249	6.786.170.305
Cộng	454.192.410.462	79.303.262.679

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	446.519.255.839	70.622.652.914
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.221.978.300	2.910.206.767
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	1.691.874.366	1.778.062.539
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.506.665.911)
Cộng	450.433.108.505	71.804.256.309

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.063.025	17.839.108
- Lãi các khoản đầu tư	4.639	-
Cộng	<u>2.067.664</u>	<u>17.839.108</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	552.830.416	1.504.901.686
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.633.975)	4.633.975
- Chi phí tài chính khác	-	58.121.272
Cộng	<u>548.196.441</u>	<u>1.567.656.933</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	476.180.000	
- Thu tiền bồi thường đất	175.915.000	
- Tiền phạt thu được	100.000.000	
- Thu nhập khác	-	59.575.617
Cộng	<u>752.095.000</u>	<u>59.575.617</u>

06. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí không có hóa đơn chứng từ	660.000.000	-
- Chi nộp phạt chậm nộp thuế	2.797.762.653	2.140.288.549
- Chi phí khác	98.000.000	-
Cộng	<u>3.555.762.653</u>	<u>2.140.288.549</u>

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	<u>17.791.666.647</u>	<u>14.096.877.903</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.060.370.790	1.270.800.529
- Chi phí đồ dùng văn phòng	11.916.511	3.816.702
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.336.670	845.711.974
- Thuế, phí và lệ phí	60.888.662	65.763.091
- Chi phí dự phòng	4.304.918.826	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	366.997.604	132.640.310
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	100.085.459	456.727.172
- Lợi thế thương mại	11.317.152.125	11.317.152.125
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	<u>53.213.439</u>	<u>-</u>
- Chi phí bảo hành công trình	53.213.439	-
Cộng	<u>17.844.880.086</u>	<u>14.096.877.903</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(13.574.744.073)	(8.505.234.661)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(153.111.123)	(563.137.976)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.727.855.196)	(9.068.372.637)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.500.000	10.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.307)</u>	<u>(864)</u>

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(13.574.744.073)	(8.505.234.661)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(153.111.123)	(563.137.976)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.500.000	10.500.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(1.307)</u>	<u>(864)</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	1.060.370.790	1.275.066.529
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.176.532.430	2.106.625.634
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.734.307.948	3.921.656.242
- Chi phí khác bằng tiền	6.422.604.997	1.322.946.513
- Chi phí dự phòng	4.304.918.826	-
Cộng	<u>15.698.734.991</u>	<u>8.626.294.918</u>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	232.765.000	303.457.000
Cộng	<u>232.765.000</u>	<u>303.457.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Cổ đông đến hết ngày 30/4/2018

Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có số dư với bên liên quan.:

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THÔNG THẮNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Bất động sản	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	446.755.857.603	2.446.223.610	4.990.329.249	454.192.410.462
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	464.609.146.264 (17.853.288.661)	2.321.029.977 125.193.633	1.893.941.127 3.096.388.122	468.824.117.368 (14.631.706.906)
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.304.574.674	18.094.287	36.912.590	3.359.581.550
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	278.435.130	811.798	921.898.159	1.201.145.087
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Số cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	476.348.815.143	2.608.260.638	5.320.886.978	484.277.962.759
- Tài sản không phân bổ				680.102.648
Tổng tài sản	476.348.815.143	2.608.260.638	5.320.886.978	484.958.065.407
- Nợ phải trả bộ phận	616.564.345.114	3.376.014.511	6.887.115.262	626.827.474.888
- Nợ phải trả không phân bổ				228.924.239
Tổng nợ phải trả	616.564.345.114	3.376.014.511	6.887.115.262	627.056.399.127

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỒNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Bất động sản	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	70.826.633.241	1.690.459.133	6.786.170.305	79.303.262.679
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	81.090.226.427	3.243.737.807	3.116.987.803	87.450.952.037
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(10.263.593.186)	(1.553.278.674)	3.669.182.502	(8.147.689.358)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.935.318.158	46.191.328	185.430.226	2.166.939.712
Số cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	269.058.028.920	6.421.759.464	25.779.477.615	301.259.265.999
- Tài sản không phân bổ				1.889.882.890
Tổng tài sản	269.058.028.920	6.421.759.464	25.779.477.615	303.149.148.889
- Nợ phải trả bộ phận	380.450.358.627	9.080.422.914	36.452.402.269	425.983.183.811
- Nợ phải trả không phân bổ				228.924.239
Tổng nợ phải trả	380.450.358.627	9.080.422.914	36.452.402.269	426.212.108.050

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	678.551.104	-	734.729.996	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.507.933.321	(83.825.377.342)	115.056.581.853	(79.520.458.516)	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	4.407.344	(2.855.800)	1.162.642.669	(7.489.775)	(*)	(*)
Cộng	334.190.891.769	(83.828.233.142)	116.953.954.518	(79.527.948.291)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	317.808.335.137	78.394.566.071	(*)	(*)
Vay và nợ	-	3.422.693.068	(*)	(*)
Chi phí phải trả	30.022.527.828	30.395.992.374	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	90.254.603.817	94.389.216.214	(*)	(*)
Cộng	438.085.466.782	206.602.467.727		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	317.808.335.137	-	-	317.808.335.137
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	30.022.527.828	-	-	30.022.527.828
Các khoản phải trả khác	88.908.410.471	1.346.193.346	-	90.254.603.817
Cộng	<u>436.739.273.436</u>	<u>1.346.193.346</u>	<u>-</u>	<u>438.085.466.782</u>
Số đầu năm				-
Phải trả cho người bán	78.394.566.071	-	-	78.394.566.071
Vay và nợ	3.422.693.068	-	-	3.422.693.068
Chi phí phải trả	30.395.992.374	-	-	30.395.992.374
Các khoản phải trả khác	85.900.664.378	6.397.487.506	-	92.298.151.884
Cộng	<u>198.113.915.891</u>	<u>6.397.487.506</u>	<u>-</u>	<u>204.511.403.397</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Lâm